TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 07/7/2022
V/v Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật trả lại đất lấn chiếm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Định

Ông Trần Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLST- DS ngày 29/12/2020 về "*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật trả lại đất lấn chiếm*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXX- ST ngày 26/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Ông Trần Tấn L, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân thị trấn C. Xin xét xử vắng mặt

Anh Phan Phú K, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Người làm chứng:*

Ông Hồ Nguyễn Duy Ngọc Hải B, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1985. Xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ông Ngô Hữu L, sinh năm 1950. Xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Khu C, thị trấn Chí T, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1986 vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phan K có mua của ông Nguyễn Văn T một rẫy mít và màu mì, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có xác nhận của chính quyền địa phương, có giới cận: Đông giáp vườn ông K, Tây giáp hầm Đèo Thị; Nam giáp ranh nghĩa địa; Bắc giáp đường sắt. Đám rẫy mít và màu mì là hai đám liền kề, chính giữa là con suối chảy từ xưa. Khi nghĩa địa cũ giáp đất vợ chồng bà mua không còn chỗ chôn nữa thì Nhà nước mở thêm một nghĩa địa mới, đường muốn đi qua nghĩa địa mới phải qua đất bà, vì vậy UBND thị trấn C đã vận động bà hiến đất mở đường và bà đã hiến đất khoảng 80-90m^2 để mở đường đi. Hiện đám là rẫy mít là triền dốc từ con suối nước chảy hướng lên giáp với nghĩa địa cũ, diện tích khoảng 1.760m^2, có ranh giới cụ thể: Đông giáp đất Trần Kim N; Tây giáp đất Lê Trung Đ; Nam giáp ranh nghĩa địa cũ; Bắc giáp con suối.

Sau khi nhận chuyển nhượng của ông T, bà có thuê ông Trần Tấn L trồng một số bạch đàn và keo lá tràm giáp với nghĩa địa. Năm 2006 Nhà nước trồng trụ điện cao thế đi qua đất này, đã bồi thường cho bà theo Biên bản kiểm kê, VT 163 VT164 của Hội đồng bồi thường UBND huyện T, gồm 28 cây bạch đàn và 02 cây keo, giá 225.000 đồng. Năm 2020 bà thuê người phát dọn rào lại ranh giới thì ông Trần Tấn L cho rằng đất của ông và đã tự ý tháo dỡ hàng rào kẽm gai của bà. Nay bà yêu cầu ông L chấm dứt hành vi cản trở trả lại đất lấn chiếm khoảng 385m^2 để bà quản lý sử dụng.

Bị đơn ông Trần Tấn L trình bày: Bà H và ông K có một khu đất *(đất có nhà ở và khu đất vườn)* mua của ông T năm 1988. Năm 1992 bà H và ông K không ở trên khu đất này nữa mà lên khu vực Đ ở, để tiện việc chăn nuôi Dê, nên bản thân ông có thuê lại khu đất nhà ở của bà H cứ 01 năm trả 100kg lúa, còn khu vườn mít của bà H thì bà H nhờ ông trông coi chăm sóc, quản lý có mít chín ông hái bán và đưa lại tiền cho bà H. Sau khi thuê 03 năm không hiệu quả ông trả lại cho bà H phần đất này sau đó bà H bán cho ai thì không rõ. Còn khu đất vườn Mít ông bỏ không quản lý nữa, đến năm 2015 bà H bán cây Mít trên đất này và thuê nhân công dọn cây dại, bà H thấy có bạch đàn hỏi ông sao đất bà mà ông trồng bạch đàn và yêu cầu ông chặt phá trả đất. Năm 2020 bà H rào kẽm gai ông đã phá dỡ. Lý do, vì số bạch đàn này là do ông trồng, năm 1988 ông là xã viên Hợp tác xã khi đi trồng bạch đàn cho Hợp tác xã còn dư một ít ông đem về trồng trên hành lang của nghĩa địa. Ông khẳng định bạch đàn ông trồng trên đất này là đất hành lang của Nghĩa địa nên không đồng ý trả đất cho bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn C trình bày: Theo bản đồ 299 vị trí đất các bên đang tranh chấp không thể hiện; Theo bản đồ địa chính phê duyệt năm 1997 không thể hiện vị trí trên bản đồ. Theo bản đồ đo đạt chỉnh lý năm 2012 không thể hiện vị trí trên bản đồ chỉ thể hiện khu đo đất lâm nghiệm (thuộc tờ bản đồ lâm nghiệp đo ảnh hàng không tờ bản đồ số 01) thuộc tờ bản đồ 01, vị trí tranh chấp nằm một phần của thửa 182, diện tích tổng

thửa đất 182 là 8.733,9m^2 loại đất rừng sản xuất, quy chủ sử dụng trong sổ mục kê đất đai là UBND thị trấn C. Tuy nhiên, UBND thị trấn khẳng định đất tranh chấp trên là của hộ gia đình quản lý, sử dụng ngoài phần đất của nghĩa địa, do hộ gia đình không đăng ký kê khai nên quy chủ là UBND thị trấn. Phần tranh chấp các bên không nằm trong quy hoạch gì.

Anh Phan Phú K: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trả lại đất cho nguyên đơn quản lý sử dụng theo diện tích đo vẽ định giá tài sản 298,3m^2; Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đất này là đất hành lang của nghĩa địa, bạch đàn do bị đơn trồng trên đất hành lang của nghĩa địa, nên không đồng ý trả đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các 161, 166, 169 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật trả lại đất diện tích 298,3m^2 cho nguyên đơn quản lý sử dụng. Về án phí và chi phí tố tụng bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn ông Trần Tấn L chấm dứt hành vi cản trở trả lại diện tích 298,3m^2 đất cho nguyên đơn quản lý, sử dụng; Bị đơn không đồng ý vì cho rằng diện tích đất tranh chấp trên là do bị đơn trồng bạch đàn trên đất hành lang của nghĩa địa, không phải đất của nguyên đơn.

[2] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Về nguồn gốc và diện tích đất tranh chấp: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; biên bản xác minh do Ủy ban nhân dân thị trấn C cung cấp có căn cứ xác định: đất tranh chấp thuộc tờ bản đồ lâm nghiệp đo ảnh hàng không, tờ bản đồ 01, nằm một phần trong thửa 182 (diện tích tổng thửa 182 là 8.733,9m^2) loại đất rừng sản xuất. Tại sơ đồ đo vẽ, biên bản định giá tài sản, xác định diện tích các bên tranh chấp là 298,3m^2 nằm trong tổng diện tích 1.196,1m^2 mà bà H quản lý, sử dụng có giới cận: Đông giáp đất còn lại (trong tổng diện tích 1.196,1m^2); Tây giáp đất còn lại (trong tổng diện tích 1.196,1m^2); Nam giáp nghĩa địa; Bắc giáp đất còn lại (trong tổng diện tích 1.196,1m^2), chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên thửa đất trên và thửa đất có nhà ở mà bà H đã chuyển nhượng cho ông Hồ Nguyễn Duy Ngọc Hải B là của ông Nguyễn Văn T, ông T được giao theo thi

hành Bản án số 63 ngày 29/6/1987 của Tòa án nhân dân huyện T. Bà H cung cấp Biên bản thi hành án ngày 10/6/1988 có xác nhận, có nội dung: giao cho ông T khu vườn mít chân Đèo Thị, phía Nam giáp nghĩa địa, Bắc giáp đường gầy xe lửa, Đông giáp đất Phan Văn K; Tây giáp hầm Đèo Thị. Cùng ngày 10/6/1988 ông Nguyễn Văn T viết "Giấy chuyển nhượng rẫy mít và màu mì" cho ông Phạm K (chồng bà H) có xác nhận và đóng dấu của phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C là ông Ngô Hữu L với nội dung *"UBND thị trấn C xác nhận Căn cứ Biên bản thi hành án ngày 10/6/1988 của Tòa án nhân dân huyện T. Vì điều kiện của Nguyễn Văn T ở Mỹ Phong, Phù Mỹ, Nghĩa Bình xa xôi không thể bảo quản khu vườn cây ăn quả lâu năm vườn mít ở chân Đèo Thị nên thỏa nhượng cho ông Phan K người địa phương là đúng sự thật. Vậy UBND thị trấn xác nhận và trước bạ 10% với số tiền là 18.000đ (mười tám nghìn đồng)*", tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/4/2021 (bl 46) ông Ngô Hữu L - nguyên phó Chủ tịch UBND thị trấn C tại thời điểm trình bày "ông đã xác nhận, đã ký và đóng dấu vào giấy chuyển nhượng rẫy mít và màu mì giữ ông T và ông K, căn cứ giấy chuyển nhượng giữa hai bên trên cơ sở của Biên bản thi hành án ngày 10/6/1988". Ông Hồ Nguyễn Duy Ngọc Hải B trình bày: ông có nhận chuyển nhượng phần đất có nhà ở của bà H một diện tích có giới cận Đông giáp Đất ông B, Tây giáp đất ông K, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp đường sắt, khi mua ông biết bà H còn một phần đất vườn nữa nằm ở phía Nam giáp với nghĩa địa, ông có hỏi mua nhưng bà H không bán, tại thời điểm nàỳ thấy có nhiều cây mít và bạch đàn.

Mặt khác, năm 2006 khi Nhà nước thực hiện công trình đường dây điện 220 kv, Quy Nhơn – Tuy Hòa, đường dây điện này đi qua đất của bà H *(phần đất mà hiện các bên tranh chấp)* thì Hội đồng bồi thường hỗ trợ - Tái định cư huyện T đã lập Bản kê chi tiết và Biên bản kiểm kê, có nội dung bà H được đền bù 28 cây bạch đàn và 02 cây keo lá tràm với số tiền 225.000 đồng (bl 39, 40). Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (bl 73) cơ quan chuyên môn đại diện Điện lực huyện T đã xác định: hiện trên đất bà H và ông L tranh chấp có đường dây điện 220kv (đường dây truyền tải điện quốc gia) Tuy An đi Sông Cầu, điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ bà H cung cấp, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cũng thể hiện trên đất còn tồn tại 02 cây mít thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà H điều này cũng được bị đơn ông L thừa nhận. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất trên bà H ông K nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T đã trồng cây và quản lý, sử dụng đến nay.

[3] Ông Trần Tấn L cho rằng bạch đàn do ông trồng trên đất hành lang của nghĩa địa nên không đồng ý trả đất. Qúa trình Tòa án giải quyết đã ra quyết định yêu cầu ông L cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh, nhưng ông L không cung cấp được. Mặt khác, bản thân ông L cũng thừa nhận bà H có đất ở và rẫy mít nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T, sau đó ông có thuê lại bà H đất ở được 03 năm rồi trả lại, còn đối với phần đất rẫy mít thì ông có quản lý trông coi dùm cho bà H. Trên phần đất tranh chấp, bà H có nhận tiền đền bù từ cây bạch đàn và cây keo do có đường dây điện 220kv của Nhà nước đi qua, ông L cho rằng bạch đàn do ông trồng nhưng quá trình Nhà nước thực hiện công việc kiểm kê tài sản trên đất để được đền bù ông cũng không khiếu nại gì về việc ông không được đền bù, cũng như không khiếu

nại gì về việc bà H được đền bù. Do đó, ý kiến của bị đơn nêu ra là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ và phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận; Chấp nhận ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ, định giá tài sản: 8.000.000 đồng bà H đã tạm ứng đủ, nên bị đơn ông L có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 161, 169, khoản 2 Điều 221 Bộ luật dân sự; Điều 147, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Trần Tấn L chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật trả lại đất lấn chiếm có diện tích 298,3m^2 thuộc một phần thửa 182, tờ bản đồ số 01 cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng. Đất có giới cận: Đông giáp đất còn lại của thửa 182 (trong tổng diện tích 1.196,1m^2); Tây giáp đất còn lại thửa 182 (trong tổng diện tích 1.196,1m^2); Nam giáp nghĩa địa; Bắc giáp đất còn lại thửa 182 (trong tổng diện tích 1.196,1m^2). Kèm theo sơ đồ bản vẽ.

Về án phí: Ông Trần Tấn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị H 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004563 ngày19 tháng12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ, định giá tài sản: 8.000.000 đồng bà H đã tạm ứng, nên ông Trần Tấn L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hưởng 8.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy An;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong